

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính riêng	04-38
Bảng cân đối kế toán riêng	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-38



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán quý II năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần thay đổi đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 06 tháng 5 năm 2024.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 05: 136.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Luân	Chủ tịch	
Bà Võ Huỳnh Trang	Ủy viên	
Ông Võ Văn Phước Quê	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Quang	Ủy viên	
Ông Đinh Huỳnh Thái Tâm	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2024
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Phước Quê	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Bảo Trâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2024
Bà Lưu Thị Cẩm Hoài	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2024
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán quý II năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Võ Văn Phước Quê

Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		95.982.963.978	80.315.614.532
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.736.014.310	4.669.050.400
111	1. Tiền		3.736.014.310	4.669.050.400
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45.344.914.447	25.123.268.446
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	44.755.311.793	21.779.036.858
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	-	1.879.050.891
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	589.602.654	1.465.180.697
140	IV. Hàng tồn kho	8	44.697.190.589	38.406.472.663
141	1. Hàng tồn kho		44.697.190.589	38.406.472.663
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.204.844.632	2.116.823.023
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	243.331.083	36.261.406
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.961.513.549	2.080.561.617
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		164.082.117.414	165.921.875.928
220	II. Tài sản cố định		25.128.842.789	26.270.037.903
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	20.591.958.895	21.511.912.067
222	- Nguyên giá		31.153.693.366	31.153.693.366
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.561.734.471)	(9.641.781.299)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	4.536.883.894	4.758.125.836
225	- Nguyên giá		5.265.505.600	5.265.505.600
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(728.621.706)	(507.379.764)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	22.892.780.213	23.377.099.907
231	- Nguyên giá		24.771.120.902	24.771.120.902
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.878.340.689)	(1.394.020.995)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	102.500.000.000	102.500.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		102.500.000.000	102.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.560.494.412	13.774.738.118
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	13.560.494.412	13.774.738.118
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		260.065.081.392	246.237.490.460

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		72.460.211.573	61.994.484.614
310	I. Nợ ngắn hạn		70.200.773.780	59.753.046.821
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	23.510.235.180	7.320.142.670
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		11.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	176.940.209	230.372.744
314	4. Phải trả người lao động		403.565.925	345.299.191
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	-	202.438.808
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	385.104.014	312.000.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	45.713.928.452	51.342.793.408
330	II. Nợ dài hạn		2.259.437.793	2.241.437.793
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	206.931.600	188.931.600
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	2.052.506.193	2.052.506.193
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		187.604.869.819	184.243.005.846
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	187.604.869.819	184.243.005.846
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		136.000.000.000	136.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		136.000.000.000	136.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		471.167.081	471.167.081
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		51.133.702.738	47.771.838.765
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		47.771.838.765	41.269.140.216
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.361.863.973	6.502.698.549
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		260.065.081.392	246.237.490.460


Nguyễn Khải Văn
Người lập

Biện Thị Chuyên
Kế toán trưởng

Võ Văn Phước Quê
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÀU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2024		Quý II năm 2023		Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024		Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	91.102.553.103	73.064.759.805	156.926.489.184	121.056.790.066				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-				
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		91.102.553.103	73.064.759.805	156.926.489.184	121.056.790.066				
11	4. Giá vốn hàng bán	20	86.481.228.834	69.977.571.203	148.898.378.835	113.567.240.224				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.621.324.269	3.087.188.602	8.028.110.349	7.489.549.842				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.453.351	372.346.664	158.573.799	393.031.598				
22	7. Chi phí tài chính	22	911.947.410	1.148.374.353	1.836.389.276	2.087.518.352				
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>911.947.410</i>	<i>1.148.374.353</i>	<i>1.836.389.276</i>	<i>2.087.518.352</i>				
25	8. Chi phí bán hàng	23	281.023.564	211.368.197	552.095.906	394.741.894				
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.069.857.627	638.601.030	2.181.004.705	1.501.485.006				
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.359.949.019	1.461.191.686	3.617.194.261	3.898.836.188				
31	11. Thu nhập khác	25	18.000.000	-	18.550.000	-				
32	12. Chi phí khác	26	57.724.250	5.797.728	96.940.079	16.385.376				
40	13. Lợi nhuận khác		(39.724.250)	(5.797.728)	(78.390.079)	(16.385.376)				

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2024		Quý II năm 2023		Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024		Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.320.224.769	1.455.393.958	3.538.804.182	3.882.450.812				
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	108.921.317	72.769.698	176.940.209	197.800.573				
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.211.303.452	1.382.624.260	3.361.863.973	3.684.650.239				


Nguyễn Khai Vân
Người lập

Hậu Giang, ngày 20 tháng 07 năm 2024


Biện Thị Chuyên
Kế toán trưởng


Võ Văn Phước Quý
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 01/01/2023
			đến ngày 30/06/2024	đến ngày 30/06/2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.538.804.182	3.882.450.812
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.625.514.808	1.671.805.071
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(158.573.799)	(393.031.598)
06	- Chi phí lãi vay		1.836.389.276	2.087.518.352
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.842.134.467	7.248.742.637
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(21.017.228.070)	5.788.141.283
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.290.717.926)	4.636.999.984
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		16.350.463.258	(3.944.777.794)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		7.174.029	6.071.261
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.038.828.084)	(2.272.758.423)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(230.372.744)	(100.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.377.375.070)	11.362.418.948
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(60.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	(10.000.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.073.203.936	393.031.598
30	* Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.073.203.936	(9.666.968.402)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		62.165.000.000	65.465.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(67.197.355.000)	(64.535.854.100)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(596.509.956)	(656.160.942)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.628.864.956)	272.984.958

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 01/01/2023
			đến ngày 30/06/2024	đến ngày 30/06/2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(933.036.090)	1.968.435.504
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.669.050.400	1.607.241.441
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		<u>3.736.014.310</u>	<u>3.575.676.945</u>

Khải

Chuyên



Nguyễn Khải Vân

Người lập

Hậu Giang, ngày 30 tháng 07 năm 2024

Biện Thị Chuyên

Kế toán trưởng

Võ Văn Phước Quê

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần thay đổi đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 06 tháng 5 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 136.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 136.000.000.000 đồng; tương đương 13.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là: Sản xuất và kinh doanh phân bón, cho thuê nhà xưởng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	97,62%	97,62%	Kinh doanh phân bón, cho thuê nhà xưởng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2.4 .. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn. Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:
- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
 - Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
 - Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 * Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn doanh nghiệp sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian của hợp đồng thuê tài chính.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
• - Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Doanh nghiệp hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|--------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
|--------------------------|--------|
- Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

- Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay và nợ

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

- Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

2.18 . Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22* . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn khó khăn, cụ thể như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2014 (năm đầu tiên phát sinh doanh thu)
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017 (phát sinh thu nhập chịu thuế)
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2021.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.620.324.746	125.135.487
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.115.689.564	4.543.914.913
	3.736.014.310	4.669.050.400

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	10.000.000.000	-
	-	-	10.000.000.000	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	102.500.000.000	-	-	102.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	102.500.000.000	-	-	102.500.000.000
	102.500.000.000	-	-	102.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	Số 816 quốc lộ 1A, ấp Long An B, Thị trấn Cái Tắc, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	97,62%	97,62%	Kinh doanh phân bón, cho thuê nhà xưởng. Sản xuất điện mặt trời.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các bên khác				
Công ty Cổ phần phân bón Quốc tế	5.412.443.510	-	-	-
Công ty Cổ phần phân bón Eur	4.745.800.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Song Ngư	3.136.985.000	-	6.518.252.000	-
Công ty Xuất nhập khẩu nông nghiệp An Phát	967.678.000	-	2.752.578.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Khánh Phát	2.094.079.303	-	3.144.052.303	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Đại Thiên Ngân	7.355.527.000	-	29.458.200	-
Phải thu khách hàng khác	21.042.798.980	-	9.334.696.355	-
	44.755.311.793	-	21.779.036.858	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên khác				
Công ty TNHH MTV Thương mại Toàn Cầu	-	-	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Kết Nông	-	-	290.329.556	-
Các đối tượng khác	-	-	88.721.335	-
	-	-	1.879.050.891	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	914.630.137	-
Ký cược, ký quỹ	550.550.560	-	550.550.560	-
Phải thu khác	39.052.094	-	-	-
	589.602.654	-	1.465.180.697	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.697.190.589	-	38.406.472.663	-
	44.697.190.589	-	38.406.472.663	-

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	17.912.149.003	11.084.508.000	2.157.036.363	31.153.693.366
Số dư cuối kỳ	17.912.149.003	11.084.508.000	2.157.036.363	31.153.693.366
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.746.659.423	4.255.263.585	1.639.858.291	9.641.781.299
- Khấu hao trong kỳ	407.292.038	391.398.216	121.262.918	919.953.172
Số dư cuối kỳ	4.153.951.461	4.646.661.801	1.761.121.209	10.561.734.471
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	14.165.489.580	6.829.244.415	517.178.072	21.511.912.067
Tại ngày cuối kỳ	13.758.197.542	6.437.846.199	395.915.154	20.591.958.895

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.350.198.363 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.522.000.000	2.743.505.600	5.265.505.600
Số dư cuối kỳ	2.522.000.000	2.743.505.600	5.265.505.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	210.166.665	297.213.099	507.379.764
- Trích khấu hao	84.066.666	137.175.276	221.241.942
Số dư cuối kỳ	294.233.331	434.388.375	728.621.706
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	2.311.833.335	2.446.292.501	4.758.125.836
Tại ngày cuối kỳ	2.227.766.669	2.309.117.225	4.536.883.894

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	24.771.120.902	24.771.120.902
Số dư cuối kỳ	24.771.120.902	24.771.120.902
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.394.020.995	1.394.020.995
- Khấu hao trong kỳ	484.319.694	484.319.694
Số dư cuối kỳ	1.878.340.689	1.878.340.689
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	23.377.099.907	23.377.099.907
Tại ngày cuối kỳ	22.892.780.213	22.892.780.213

Bất động sản đầu tư là một phần diện tích Nhà máy phân bón Quốc tế Âu Việt được dùng để cho thuê tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 25, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam, thời gian khấu hao 25 năm.

- Và căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh. Tài sản đang được sử dụng thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Bank Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) • Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	63.040.083	36.261.406
Phí gia hạn phần mềm	33.825.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	146.466.000	-
	243.331.083	36.261.406
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	113.071.670	101.941.668
Chi phí chứng nhận hợp quy sản phẩm	102.087.504	150.670.846
Chi phí thuê đất (*)	13.334.199.482	13.483.707.896
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.135.756	38.417.708
	13.560.494.412	13.774.738.118

(*) Là giá trị QSD đất thuê trả tiền một lần tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 25, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR248466 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Hậu Giang cấp. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 22/01/2069. Chi phí thuê đất được phân bổ dần vào chi phí với thời gian phân bổ là 50 năm. Giá trị quyền sử dụng đất nói trên đang được thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang (chi tiết tại thuyết minh số 17).

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán khác				
Công ty TNHH TM và DV nông nghiệp Phú Thứ	3.146.400.000	3.146.400.000	3.386.597.715	3.386.597.715
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc tế TIP TO MÃ LAI	5.853.255.500	5.853.255.500	-	-
Công ty TNHH SX và TM Phân bón hữu cơ Đức Tín	-	-	2.105.951.884	2.105.951.884
Công ty TNHH MTV Thương mại Toàn Cầu	2.999.719.500	2.999.719.500	-	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Hậu Giang	3.838.420.130	3.838.420.130	-	-
Phải trả các đối tượng khác	7.672.440.050	7.672.440.050	1.827.593.071	1.827.593.071
	23.510.235.180	23.510.235.180	7.320.142.670	7.320.142.670

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ẬU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	230.372.744	176.940.209	230.372.744	-	176.940.209
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	33.418.101	33.418.101	-	-
	-	230.372.744	210.358.310	263.790.845	-	176.940.209

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn khó khăn, cụ thể như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2014 (năm đầu tiên phát sinh doanh thu)
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017 (phát sinh thu nhập chịu thuế)
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	202.438.808
	<u>-</u>	<u>202.438.808</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bên khác		
- Bảo hiểm xã hội	54.237.626	-
- Bảo hiểm y tế	14.236.664	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.253.920	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	375.804	-
Bên liên quan		
- Thù lao HĐQT, BKS	312.000.000	312.000.000
	<u>385.104.014</u>	<u>312.000.000</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	206.931.600	188.931.600
	<u>206.931.600</u>	<u>188.931.600</u>

(*) Là khoản nhận đặt cọc tiền thuê của các khách hàng thuê mặt bằng.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị	VND	VND	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (1)	8.100.000.000	8.100.000.000	18.100.000.000	13.100.000.000	45.065.000.000	45.065.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang (3)	39.950.675.000	39.950.675.000	42.065.000.000	52.050.675.000	29.965.000.000	29.965.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Đô (4)	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	1.292.118.408	1.292.118.408	-	643.189.956	648.928.452	648.928.452
- Nợ dài hạn đến hạn trả	93.360.000	93.360.000	-	46.680.000	46.680.000	46.680.000
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả	1.198.758.408	1.198.758.408	-	596.509.956	602.248.452	602.248.452
	51.342.793.408	51.342.793.408	62.165.000.000	67.793.864.956	45.713.928.452	45.713.928.452
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Ngân hàng TNHH MTV Public bank Việt Nam (5)	643.728.098	643.728.098	-	-	643.728.098	643.728.098
- Nợ thuế tài chính dài hạn - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (6)	1.408.778.095	1.408.778.095	-	-	1.408.778.095	1.408.778.095
	2.052.506.193	2.052.506.193	-	-	2.052.506.193	2.052.506.193

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Là khoản vay ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 85/2024/HĐHMTD/PVB-CN.TĐC ký ngày 27/06/2024. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong hợp đồng cho vay, mục đích cấp tín dụng là để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 63, tờ bản đồ số 13; tại khu dân cư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Fico, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập và bà Phạm Trần Đan Thanh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 821060, sổ vào sổ cấp GCN: CS02762 do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP Cần Thơ cấp ngày 10/03/2017. Giá trị tài sản thế chấp là 6.424.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 15/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 05/05/2022.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 198, tờ bản đồ số 5; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vũ Kiên và bà Phạm Trần Kim Ngọc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 727050, sổ vào sổ cấp GCN: CS00318 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 06/08/2018. Giá trị tài sản thế chấp là 7.370.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 38/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 10/10/2022.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 114, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thửa đất: xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vũ Công và bà Mai Thị Hằng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 770070, sổ vào sổ cấp GCN: CS00346 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24/08/2018. Giá trị tài sản thế chấp là 8.976.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 39/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 10/10/2022.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 110, tờ bản đồ số 20; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 604321, sổ vào sổ cấp GCN: CH01785-4309/QĐ-UBND do UBND huyện Xuyên Mộc cấp ngày 21/11/2012, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 24/07/2019 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 120, tờ bản đồ số 20; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 928750, sổ vào sổ cấp GCN: CS00882 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 08/08/2019 thuộc quyền sử dụng (đối với đất), quyền sở hữu hợp pháp của ông Đào Văn Hiến và bà Lê Thị Thu Nguyệt. Giá trị tài sản thế chấp là 6.977.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 125/2023/HĐBĐ/PVB-CNTĐC ký ngày 10/10/2023.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cần Thơ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CTO/22249 ngày 08/11/2022. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích cấp tín dụng: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất phân bón các loại. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa khách hàng và ngân hàng. Biện pháp bảo đảm là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, giá trị 10 tỷ đồng của công ty.

Khoản vay đã được công ty tất toán toàn bộ vào tháng 02 năm 2024.

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023-HĐCVHM/NHCT821-CTY ÂU VIỆT ngày 08 tháng 08 năm 2023. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 08/08/2024 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phân bón. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền quyền sử dụng đất tại thửa 288, tờ bản đồ số 25, địa chỉ Ấp Long Giang B, Thị trấn Cái Tắc, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 248466, số vào sổ cấp GCN CT14247, do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 19/08/2019. Giá trị của tài sản là 62.888.127.968 đồng theo Biên bản thoả thuận định giá tài sản thế chấp số 02/2023-BBĐGL/NHCT821-CTY AU VIET ngày 31/07/2023.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Đô theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 199428.24.452.32974447.TD ngày 24 tháng 06 năm 2024. Hạn mức cho vay là 60.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25/02/2025 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được quy định trên từng lần giải ngân. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phân bón. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp số 199430.24.452.32974447.TD ngày 28/06/2024 áp dụng đối với tài sản là hàng hoá và quyền đòi nợ và Sổ tiết kiệm số LA 5608866 ngày 27/06/2024 mang tên Ông Nguyễn Hoàng Luân.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

(5) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public bank Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số HCM/000099/18 ngày 05 tháng 03 năm 2018 với hạn mức là 1.400.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 180 tháng kể từ ngày kí, lãi suất cho vay là 2,6%/năm + lãi suất tiền gửi có kì hạn cá nhân 12 tháng bằng VNĐ loại lãnh lãi cuối kì niêm yết tại ngân hàng. Mục đích sử dụng là tài trợ/hoàn lại một phần chi phí mua Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, hiện đang được sử dụng làm văn phòng đại diện của Công ty. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng một khoản tiền là 7.780.000 VND trong vòng 180 tháng bắt đầu từ tháng tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh với giá mua là 2.063.504.239 VND.

(6) Là khoản nợ thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHALEASE theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số C2208060C2 ngày 13/9/2022 cho tài sản: Dây chuyền trộn phân NPK 3 màu; Thời hạn thuê 48 tháng, giá trị thuê 2.522.000.000 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 9,18% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9,05% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 3,07%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 47 kỳ.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 19/7/2022, Bản tu chỉnh số 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 18/11/2022 cho tài sản: Ô tô con hiệu Mercedes Benz biển số 50 LD-195.57 và Ô tô con hiệu Vinfast biển số 50 LD-200.46; Thời hạn thuê 36 tháng, giá trị thuê 2.743.505.600 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 9,8% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9,67% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 2,67%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 35 kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
Năm 2023						
Số dư tại 01/01/2023	136.000.000.000	471.167.081	471.167.081	41.269.140.216	177.740.307.297	
Lợi nhuận trong năm 2023	-	-	-	6.502.698.549	6.502.698.549	
Số dư tại 31/12/2023	136.000.000.000	471.167.081	471.167.081	47.771.838.765	184.243.005.846	
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024						
Số dư tại 01/01/2024	136.000.000.000	471.167.081	471.167.081	47.771.838.765	184.243.005.846	
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	3.361.863.973	3.361.863.973	
Số dư tại 30/06/2024	136.000.000.000	471.167.081	471.167.081	51.133.702.738	187.604.869.819	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Hoàng Luân	38,23%	52.000.000.000	38,23%	52.000.000.000
Ông Võ Văn Phước Quê	11,40%	15.500.000.000	11,40%	15.500.000.000
Bà Võ Huỳnh Trang	0,37%	500.000.000	0,37%	500.000.000
Các cổ đông khác	50,00%	68.000.000.000	50,00%	68.000.000.000
	100%	136.000.000.000	100%	136.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	136.000.000.000	136.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	136.000.000.000	136.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	136.000.000.000	136.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.600.000	13.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.600.000	13.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	13.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.600.000	13.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	13.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	471.167.081	471.167.081
	471.167.081	471.167.081

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.684.924.631	29.141.552.300
Doanh thu bán thành phẩm	152.018.839.240	90.674.052.588
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.222.725.313	1.241.185.178
	156.926.489.184	121.056.790.066

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	3.490.505.813	28.514.406.722
Giá vốn bán thành phẩm	144.631.202.542	84.235.935.112
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	776.670.480	816.898.390
	148.898.378.835	113.567.240.224

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
* Lãi tiền gửi, lãi cho vay	158.573.799	393.031.598
	158.573.799	393.031.598

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.836.389.276	2.087.518.352
	1.836.389.276	2.087.518.352

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	224.125.275	241.876.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	33.176.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.970.631	119.689.530
	552.095.906	394.741.894

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.356.908.424	764.490.203
Chi phí đồ dùng văn phòng	104.646.771	83.050.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.182.736	390.291.654
Thuế, phí, lệ phí	10.673.730	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	488.922.057	258.652.806
Chi phí khác bằng tiền	22.670.987	-
	2.181.004.705	1.501.485.006

25 . THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Tiền ký quỹ do vi phạm hợp đồng	18.000.000	-
Thu nhập khác	550.000	-
	18.550.000	-

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Các khoản phạt thuế, BHXH	33.418.101	-
Khấu hao TSCĐ	63.521.978	-
Chi không được trừ	-	16.385.376
	96.940.079	16.385.376

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.538.804.182	3.882.450.812
Các khoản điều chỉnh tăng	-	73.560.658
- Chi phí không hợp lệ	-	73.560.658
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.538.804.182	3.956.011.470
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất	353.880.418	395.601.147
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(176.940.209)	(197.800.574)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	176.940.209	197.800.573

30/
CÔ
CÔ
HÀ
ƯC
ÂU
YH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá trong tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

11/8/2024 H N/A

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.736.014.310	-	-	3.736.014.310
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.344.914.447	-	-	45.344.914.447
	49.080.928.757	-	-	49.080.928.757
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.669.050.400	-	-	4.669.050.400
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.244.217.555	-	-	23.244.217.555
	27.913.267.955	-	-	27.913.267.955

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Vay và nợ	45.713.928.452	1.688.858.095	363.648.098	47.766.434.645
Phải trả người bán, phải trả khác	23.895.339.194	206.931.600	-	24.102.270.794
	69.609.267.646	1.895.789.695	363.648.098	71.868.705.439
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	51.342.793.408	1.595.498.095	457.008.098	53.395.299.601
Phải trả người bán, phải trả khác	7.632.142.670	188.931.600	-	7.821.074.270
Chi phí phải trả	202.438.808	-	-	202.438.808
	59.177.374.886	1.784.429.695	457.008.098	61.418.812.679

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất và kinh doanh phân bón VND	Cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	155.703.763.871	1.222.725.313	156.926.489.184
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.703.763.871	1.222.725.313	156.926.489.184
Giá vốn theo bộ phận	148.121.708.355	776.670.480	148.898.378.835
Lợi nhuận gộp	7.582.055.516	446.054.833	8.028.110.349
Các chi phí không phân bổ			2.733.100.611
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.295.009.738
Doanh thu hoạt động tài chính			158.573.799
Chi phí tài chính			1.836.389.276
Thu nhập khác			18.550.000
Chi phí khác			96.940.079
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			176.940.209
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			3.361.863.973

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, theo đó công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	Công ty con
Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị	
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc	
Các thành viên Ban kiểm soát	
Kế toán trưởng	

30
C
C
P
H
A
H

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆTQuốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang		
Mượn tiền	-	14.600.000.000
Trả tiền mượn	-	8.600.000.000
Ông Võ Văn Phước Quệ		
Mượn tiền	2.500.000.000	-
Trả tiền mượn	2.500.000.000	-

Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hoàng Luân được sử dụng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của công ty và công ty con tại các ngân hàng, chi tiết tại Thuyết minh số 17.

Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập – em trai ông Nguyễn Hoàng Luân là quyền sử dụng đất đang được công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, chi tiết tại Thuyết minh số 17.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Luân	87.764.615	59.173.077
Bà Võ Huỳnh Trang	18.000.000	18.000.000
Ông Võ Văn Phước Quệ	76.159.235	51.520.769
Ông Nguyễn Đức Quang	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	12.000.000	18.000.000
Ông Đinh Huỳnh Thái Tâm	6.000.000	-
Thu nhập và thù lao Ban kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	24.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Bảo Trâm	8.000.000	12.000.000
Bà Lưu Thị Cẩm Hoài	4.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	58.935.934	12.000.000
Kế toán trưởng		
Biện Thị Chuyên	72.707.746	65.129.468

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán quý II năm 2024

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

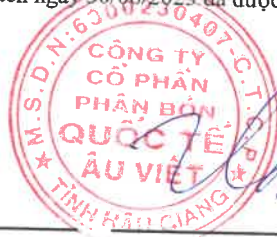
Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được kiểm toán soát xét.



Nguyễn Khải Vân
Người lập



Biện Thị Chuyên
Kế toán trưởng



Võ Văn Phước Quê
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 07 năm 2024

